

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐỔI MỚI KỸ THUẬT THIẾT KẾ CÂU HỎI VÀ VAI TRÒ NGƯỜI DẠY TRONG ĐÁNH GIÁ TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ PHẠM THỊ HÀ*

TÓM TẮT: Trong tiến trình đổi mới đánh giá tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN), việc thiết kế hệ thống câu hỏi và tổ chức hoạt động đánh giá đóng vai trò then chốt trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ thực tiễn cho người học. Bài viết này tập trung làm rõ các nguyên tắc và kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận theo định hướng phát triển năng lực, thông qua phân tích các lỗi thường gặp, ví dụ minh họa và hướng dẫn cải tiến. Đồng thời, bài viết nhấn mạnh vai trò của người dạy không chỉ là người thực hiện đánh giá mà còn là nhà thiết kế học tập, người kiến tạo môi trường nhân văn, truyền cảm hứng và phản biện chính sách. Trên cơ sở tổng hợp lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, bài viết góp phần hình thành một cách tiếp cận đánh giá lấy người học làm trung tâm, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững năng lực sử dụng tiếng Việt trong môi trường đa văn hóa.

TỪ KHOÁ: thiết kế câu hỏi; đánh giá; vai trò người dạy; tiếng Việt như một ngoại ngữ; đổi mới sư phạm.

NHẬN BÀI: 11/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/12/2025

1. Mở đầu

Trong quá trình dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN), kiểm tra - đánh giá không chỉ là công cụ đo lường kết quả học tập mà còn là một thành tố quan trọng định hình động lực, phương pháp học và mức độ phát triển năng lực ngôn ngữ của người học. Một hệ thống đánh giá hiệu quả có thể giúp người học nhận biết điểm mạnh, điểm yếu của mình, đồng thời hỗ trợ giáo viên điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy phù hợp.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc tiếp cận kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển năng lực đang đặt ra nhiều yêu cầu mới về mặt kỹ thuật và sư phạm. Việc xây dựng các câu hỏi đánh giá không thể dừng lại ở hình thức kiểm tra kiến thức từ vựng và ngữ pháp mà cần được thiết kế để phản ánh được khả năng sử dụng tiếng Việt trong các tình huống thực tế, đa dạng và có ý nghĩa giao tiếp. Điều này đòi hỏi sự chuyển biến sâu sắc trong cách thức xây dựng câu hỏi trắc nghiệm, tự luận cũng như lựa chọn các công cụ đánh giá thay thế.

Trong tiến trình đổi mới này, vai trò của người dạy không còn giới hạn ở việc “ra đề” hay “chấm điểm” mà cần được mở rộng như một người thiết kế học tập - người hiểu biết sâu sắc đặc điểm của người học, mục tiêu của từng cấp độ năng lực và biết cách tổ chức các hoạt động đánh giá để vừa chính xác, vừa mang tính hỗ trợ phát triển. Bên cạnh đó, người dạy cũng chính là người định hình văn hóa đánh giá trong lớp học: tạo nên không gian học tập an toàn, nhân văn, nơi người học được phép sai, được phản hồi và được khuyến khích phát triển theo năng lực riêng của mình.

Từ những nhận thức đó, bài viết tập trung vào hai nội dung chính: (1) đề xuất các nguyên tắc và kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận theo hướng đánh giá năng lực, và (2) phân tích vai trò mở rộng của người dạy trong hệ sinh thái đánh giá hiện đại, từ thiết kế, triển khai đến phản biện chính sách đánh giá TVNN.

2. Cơ sở lý luận

Trong giáo dục ngôn ngữ hiện đại, kiểm tra - đánh giá không chỉ dừng lại ở vai trò đo lường kết quả học tập mà còn là một phần thiết yếu trong tiến trình dạy - học, hỗ trợ việc hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong thực tế. Theo Brown (2004), đánh giá trong lớp học cần gắn

*TS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: hapt@hnue.edu.vn

kết chặt chẽ với mục tiêu giảng dạy, phản ánh sự tiến bộ của người học và góp phần điều chỉnh phương pháp dạy học. Trong khi đó, Bachman và Palmer (1996) nhấn mạnh rằng việc đánh giá năng lực ngôn ngữ cần được thiết kế dựa trên tính xác thực (authenticity), độ tin cậy (reliability), khả năng phân hóa (washback) và tính khả thi (practicality) - những yếu tố mang tính định hướng trong xây dựng công cụ đánh giá.

Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR - Council of Europe, 2001) và Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành (2015) đều đặt trọng tâm vào khả năng vận dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể, nhấn mạnh đến tính thực tiễn, liên văn hóa và khả năng hành động của người học trong các ngữ cảnh khác nhau. Việc kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển năng lực do đó cần chú trọng đến các yếu tố ngữ dụng, tính linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ và khả năng thích nghi với các tình huống giao tiếp đa dạng.

Scarino và Liddicoat (2009) phát triển khái niệm “đánh giá như là học tập” (assessment as learning), trong đó người học không chỉ là đối tượng được đánh giá mà còn là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình tự đánh giá và điều chỉnh hành vi học tập. Khung lý luận này đặt nền tảng cho việc lồng ghép đánh giá vào hoạt động dạy học một cách liên tục và có chiến lược.

Theo cách phân loại truyền thống, đánh giá trong dạy học ngôn ngữ thường được chia thành hai loại chính:

1. Đánh giá tổng kết (*summative assessment*): Được thực hiện vào cuối một giai đoạn học tập nhằm xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra, thường thông qua các bài kiểm tra cuối kì hoặc bài thi cấp chứng chỉ.

2. Đánh giá quá trình (*formative assessment*): Diễn ra trong suốt quá trình học tập với mục đích theo dõi sự tiến bộ của người học, cung cấp phản hồi để cải thiện việc học và giảng dạy.

Cùng với đó, lý thuyết đánh giá vì học tập (*assessment for learning*) được phát triển như một hướng tiếp cận sư phạm mới, đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò hỗ trợ người học phát triển thông qua đánh giá (Black & Wiliam, 1998; Scarino & Liddicoat, 2009). Đánh giá không chỉ cung cấp thông tin về mức độ đạt được, mà còn thúc đẩy tư duy phản biện, sự chủ động và năng lực tự điều chỉnh của người học. Cách tiếp cận này thường được triển khai thông qua các chiến lược đánh giá quá trình một cách hiệu quả và có mục tiêu rõ ràng.

Trong bối cảnh dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN), người dạy cần đảm nhiệm nhiều vai trò đồng thời: người thiết kế hoạt động học tập lồng ghép đánh giá, người tổ chức môi trường học thân thiện và người cung cấp phản hồi có giá trị sư phạm. Điều này đặc biệt quan trọng với đối tượng học viên đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa và mục tiêu học tập. Việc đánh giá không chỉ cần phù hợp về nội dung và hình thức, mà còn phải phản ánh được năng lực sử dụng tiếng Việt trong ngữ cảnh thực tế - từ đời sống hàng ngày đến giao tiếp chuyên môn và học thuật.

Do đó, kỹ thuật thiết kế câu hỏi trắc nghiệm và tự luận cần được phát triển trên nền tảng lý luận vững chắc, đồng thời phản ánh tư duy đổi mới sư phạm, đặt người học vào trung tâm của tiến trình đánh giá. Việc xây dựng hệ thống công cụ đánh giá phù hợp không chỉ hỗ trợ đo lường kết quả học tập chính xác mà còn góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tư duy ngôn ngữ, phát triển toàn diện năng lực giao tiếp tiếng Việt cho người nước ngoài.

3. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận theo hướng phát triển năng lực

Trong kiểm tra - đánh giá tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN), việc thiết kế hệ thống câu hỏi không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn là một hành vi sư phạm phản ánh quan điểm giáo dục. Nếu như mô hình đánh giá truyền thống thường thiên về kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức, thì tiếp cận phát triển năng lực lại đòi hỏi công cụ đánh giá phải đo được khả năng vận dụng ngôn ngữ vào ngữ cảnh thực tiễn, đồng thời khơi dậy tư duy phản biện, khả năng giao tiếp và sự linh hoạt ngôn ngữ của người học.

Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận - nếu được thiết kế đúng kỹ thuật - có thể trở thành công cụ mạnh mẽ giúp đánh giá các mức độ năng lực đa dạng, từ nhận biết - hiểu - vận dụng đến phân tích - đánh

giá - sáng tạo. Đặc biệt trong môi trường lớp học đa văn hóa, các dạng câu hỏi cần được xây dựng sao cho phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và trình độ nhận thức của người học TVNN.

3.1. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo định hướng phát triển năng lực

Câu hỏi trắc nghiệm cần vượt qua hình thức đơn thuần kiểm tra từ vựng hoặc ngữ pháp rời rạc. Một số kỹ thuật được khuyến nghị bao gồm:

Thứ nhất, sử dụng ngữ liệu có ngữ cảnh: Đặt câu hỏi trong đoạn văn, email, hội thoại, hoặc thông báo giúp tăng tính thực tiễn và kiểm tra được năng lực đọc hiểu lồng ghép với kiến thức ngôn ngữ.

Thứ hai, tăng cường câu hỏi xử lý ngôn ngữ: Không chỉ yêu cầu chọn từ đúng, nhận diện lỗi ngữ pháp mà nên thiết kế các câu hỏi yêu cầu lựa chọn phương án phù hợp với phong cách hoặc mục đích giao tiếp cụ thể.

Thứ ba, phân loại câu hỏi theo cấp độ tư duy: Câu hỏi cần được thiết kế theo các bậc nhận thức từ thấp đến cao: nhận biết - thông hiểu - vận dụng - phân tích - đánh giá - sáng tạo.

Thứ tư, tránh câu hỏi mẹo hoặc gây nhiễu phi ngữ pháp: Các phương án lựa chọn sai cần hợp lý về mặt ngữ pháp và nghĩa, để đảm bảo người học sử dụng tư duy chứ không chọn ngẫu nhiên.

Dưới đây là hai gợi ý thường được sử dụng trong thiết kế các phương án trả lời cho câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn nhằm đảm bảo hệ thống phương án sai/ nhiễu (distractors) có giá trị sư phạm, giúp đánh giá năng lực phân biệt và vận dụng ngôn ngữ của người học.

Gợi ý 1	Gợi ý 2
A. Một chi tiết liên quan nhưng không chính xác.	A. Một chi tiết sai hoàn toàn.
B. Một chi tiết sai nhưng có từ khóa giống câu hỏi.	B. Một chi tiết sai một phần.
C. Một chi tiết hoàn toàn không chính xác.	C. Một chi tiết đúng nhưng không xuất hiện trong văn bản đã cho.
D. Chi tiết chính xác (có thể được diễn đạt lại).	D. Chi tiết chính xác, có trong văn bản.

Ví dụ minh họa cho câu hỏi trắc nghiệm đạt các tiêu chí kỹ thuật sư phạm trong đánh giá năng lực hiểu nghĩa từ ngữ (thành ngữ) trong ngữ cảnh văn hóa tiếng Việt:

Câu hỏi: Cụm từ “*có nếp có tẻ*” trong bài đọc đã cho có thể hiểu là:

- A. Gia đình cần có cả gạo nếp và gạo tẻ.
- B. Hai loại lương thực quan trọng.
- C. Gia đình có đủ con trai và con gái.
- D. Gia đình chỉ có con trai hoặc con gái.

→ **Đáp án đúng:** C.

Một số lỗi thường gặp trong quá trình thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, nếu không được nhận diện và khắc phục, có thể làm sai lệch kết quả đánh giá và gây hiểu lầm cho người học. Bảng dưới đây tổng hợp các lỗi điển hình thường thấy trong thực tế giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ:

STT	Lỗi thường gặp	Biểu hiện cụ thể	Ảnh hưởng sư phạm
1	Thiếu ngữ cảnh	Câu hỏi không đặt trong đoạn văn, hội thoại, tình huống cụ thể.	Người học không thể suy luận ý nghĩa chính xác trong thực tế.
2	Không xác định rõ mục tiêu đánh giá	Không làm rõ câu hỏi nhằm kiểm tra kiến thức hệ thống, kỹ năng vận dụng hay năng lực ngôn ngữ trong tình huống giao tiếp thực tiễn.	Giáo viên khó xây dựng rubrics, người học không biết cần vận dụng kiến thức, kỹ năng gì.
3	Phương án nhiễu phi logic	Lựa chọn sai quá vô lý, sai ngữ pháp hoặc quá dễ bị loại.	Giảm tính phân hóa, không đánh giá chính xác trình độ người học.
4	Phương án đúng nổi bật	Chỉ có một phương án đúng được trình bày rõ ràng, trong khi các phương án còn lại thiếu	Gợi ý ngầm cho người học, khiến câu hỏi trở nên dễ đoán và kém hiệu lực.

		liên kết về nội dung hoặc khác biệt rõ rệt về độ dài và cấu trúc.	
5	Các lựa chọn không đồng đều về hình thức	Phương án A là cụm danh từ, B là mệnh đề, C là câu đầy đủ...	Làm giảm tính công bằng trong đánh giá, khiến người học có xu hướng chọn đáp án dựa trên hình thức biểu đạt thay vì nội dung ngôn ngữ.
6	Dùng từ phủ định trong câu hỏi	Ví dụ: “Không nên làm điều nào sau đây?”	Dễ gây hiểu lầm, đặc biệt với người học ở trình độ sơ cấp.
7	Sử dụng lại phương án đúng ở nhiều câu.	Nhiều câu đều có cùng vị trí đáp án đúng (ví dụ đều là phương án B) hoặc giống nhau về nội dung.	Gây nghi ngờ và tạo thành chiến lược đoán, làm sai lệch kết quả khảo sát.
8	Dùng các lựa chọn như “Tất cả đều đúng/sai”	Phương án D là “Tất cả các phương án trên đều đúng/sai”	Làm giảm năng lực suy luận, không kiểm tra được khả năng phân biệt giữa các lựa chọn.
9	Sao chép nguyên văn giáo trình	Câu hỏi hoặc đáp án trích nguyên văn từ bài học đã có.	Chỉ kiểm tra trí nhớ, không kiểm tra khả năng vận dụng hoặc hiểu sâu ngôn ngữ.

3.2. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi tự luận theo hướng phát triển năng lực

Câu hỏi tự luận là công cụ quan trọng để đánh giá khả năng tổ chức ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ diễn đạt, lập luận và phản biện. Một số kỹ thuật thiết kế câu hỏi tự luận hiệu quả bao gồm:

Thứ nhất, thiết kế câu hỏi có tính gợi mở: Tránh các đề bài dạng kể lại hoặc mô tả thông thường. Thay vào đó, nên yêu cầu người học trình bày quan điểm, so sánh, phản biện hoặc đề xuất giải pháp.

Thứ hai, gắn với ngữ cảnh văn hóa - xã hội cụ thể: Ví dụ, viết bài luận trình bày ý kiến về một thói quen văn hóa Việt Nam, hoặc viết thư đề xuất cải tiến hoạt động tại lớp học.

Thứ ba, kết hợp hình thức đa nhiệm vụ (multi-task writing): Yêu cầu người học thực hiện hai thao tác như tóm tắt - phản hồi, mô tả - phân tích, nhằm kiểm tra năng lực xử lý thông tin đa chiều.

Thứ tư, xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng (rubrics): Bao gồm các thang đo về tổ chức nội dung, độ chính xác ngôn ngữ, tính phù hợp ngữ dụng và sáng tạo. Điều này giúp đánh giá công bằng và cung cấp phản hồi rõ ràng cho người học.

Dưới đây là một số ví dụ minh họa về các dạng câu hỏi tự luận thường gặp trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ, kèm theo phân tích đánh giá về mức độ đáp ứng kỹ thuật sư phạm và đề xuất gợi ý cải tiến phù hợp.

Ví dụ 1: *Hãy viết một bài luận về lối sống của giới trẻ hiện nay*

Nhận xét: Chủ đề quá rộng, không định hướng nội dung cụ thể, không xác định rõ mục tiêu, cấu trúc hay tiêu chí đánh giá.

Gợi ý cải tiến: Hãy viết một bài luận khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ của bạn về ưu điểm và hạn chế của lối sống tối giản trong giới trẻ hiện nay. Hãy đưa ra ví dụ cụ thể và lí do bạn ủng hộ hoặc không ủng hộ xu hướng này.

Ví dụ 2: *Bạn nghĩ thế nào về việc sống chậm trong xã hội hiện đại?*

Nhận xét: Câu hỏi gợi tư duy và thể hiện quan điểm cá nhân nhưng chưa xác định yêu cầu đánh giá cụ thể.

Gợi ý cải tiến: Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 từ nêu suy nghĩ của bạn về việc sống chậm trong xã hội hiện đại, chỉ rõ một số lợi ích và khó khăn khi áp dụng lối sống này trong thực tế.

Ví dụ 3: So sánh hai lối sống theo đuổi đam mê và theo đuổi sự ổn định.

Nhận xét: Câu hỏi định hướng rõ mục tiêu phân tích - lập luận - lựa chọn cá nhân nhưng thiếu hướng dẫn cụ thể về nội dung cần triển khai, có thể vượt quá trình độ của người học.

Gợi ý cải tiến: Hãy viết một bài luận khoảng 220-250 từ so sánh hai lối sống: theo đuổi đam mê và theo đuổi sự ổn định. Bạn lựa chọn lối sống nào, giải thích lí do kèm theo dẫn chứng cụ thể.

Một số lỗi thường gặp đối với câu hỏi tự luận có thể được nhận diện như sau:

STT	Lỗi thường gặp	Ảnh hưởng sự phạm
1	Câu hỏi quá rộng, không có giới hạn nội dung	Người học không xác định được trọng tâm, dễ lạc đề, khó chấm theo tiêu chí cụ thể.
2	Câu hỏi quá chung chung, không đánh giá kĩ năng cụ thể	Không xác định rõ mục tiêu đánh giá; khó phân loại kết quả theo năng lực.
3	Không có hướng dẫn độ dài, thời gian, trọng tâm	Người học viết quá dài hoặc quá ngắn, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
4	Yêu cầu vượt quá trình độ người học	Người học không thể thực hiện được yêu cầu, gây tâm lí thất bại và mất động lực.
5	Ngôn ngữ câu hỏi mơ hồ hoặc sử dụng từ ngữ trừu tượng	Dễ hiểu sai yêu cầu; bài làm không đúng trọng tâm.
6	Không gắn câu hỏi với tình huống thực tiễn	Không kiểm tra được khả năng vận dụng.
7	Không có tiêu chí đánh giá rõ ràng (rubrics)	Chấm điểm cảm tính, thiếu nhất quán.

Tóm lại, việc áp dụng kĩ thuật thiết kế phù hợp cho câu hỏi trắc nghiệm và tự luận sẽ giúp tăng tính toàn diện và hiệu quả của bài kiểm tra. Không chỉ đo lường kiến thức, những dạng bài này còn góp phần rèn luyện tư duy ngôn ngữ, năng lực giao tiếp và sự linh hoạt trong sử dụng tiếng Việt của người học.

4. Vai trò của người dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ trong đổi mới đánh giá**4.1. Người dạy với tư cách là nhà thiết kế học tập**

Trong tiếp cận đánh giá theo hướng phát triển năng lực, người dạy không còn là người ra đề thuần túy, mà cần đảm nhiệm vai trò của một “nhà thiết kế học tập” - người có khả năng tích hợp đánh giá vào tiến trình dạy và học một cách linh hoạt, khoa học và hiệu quả.

Để thực hiện vai trò này, trước hết, giáo viên cần thiết kế công cụ đánh giá phù hợp với năng lực đầu ra. Mỗi bài kiểm tra, bài tập hay nhiệm vụ ngôn ngữ đều cần được xây dựng dựa trên yêu cầu cụ thể về năng lực sử dụng tiếng Việt trong bối cảnh thực tiễn, thay vì đơn thuần kiểm tra kiến thức ngôn ngữ tách rời.

Giáo viên cần thành thạo trong việc lập ma trận đề, xây dựng bảng đặc tả và rubrics đánh giá rõ ràng, đặc biệt với các kĩ năng sản sinh như nói và viết. Các công cụ này không chỉ giúp đảm bảo tính hệ thống mà còn tạo tiền đề cho việc phản hồi hiệu quả và minh bạch trong quá trình đánh giá.

Ngoài các bài kiểm tra truyền thống, người dạy nên đa dạng hóa hình thức đánh giá bằng cách đưa vào các nhiệm vụ như dự án học tập, hồ sơ năng lực (portfolio), trình bày cá nhân, phản biện nhóm... Những hình thức này cho phép người học vận dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh có ý nghĩa và phản ánh năng lực giao tiếp thực tế.

Để đảm nhận tốt vai trò nhà thiết kế học tập, giáo viên cần nắm vững Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc dùng cho người nước ngoài, hiểu rõ yêu cầu năng lực ở từng cấp độ (từ A1 đến C2), đồng thời biết cách xác lập mục tiêu học tập cụ thể cho từng buổi học, từng học viên và từng kĩ năng. Quan trọng hơn, người dạy phải được trang bị kiến thức và kĩ năng thiết kế câu hỏi trắc nghiệm và tự luận đúng kĩ thuật, phù hợp với trình độ, văn hóa và nhu cầu của người học. Khả năng điều chỉnh đề kiểm tra cho sát với thực tiễn lớp học và đặc điểm của từng nhóm học viên là minh chứng cho tính chuyên nghiệp và sáng tạo của người giáo viên.

Cuối cùng, vai trò thiết kế học tập của người dạy cần được đặt trong tư duy đánh giá là một phần của học tập. Đánh giá không chỉ là bước cuối cùng để cho điểm, mà là công cụ đồng hành với người học trong toàn bộ quá trình phát triển ngôn ngữ - từ lúc hình thành kiến thức đến khi hoàn thiện năng lực.

4.2. Người dạy là người kiến tạo môi trường đánh giá nhân văn, an toàn

Một nguyên tắc trung tâm trong giáo dục ngôn ngữ hiện đại là: người học cần được quyền sai để học từ sai lầm của chính mình. Điều này đặc biệt đúng trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ, khi người học thường phải vượt qua rào cản tâm lý sợ mắc lỗi để mạnh dạn sử dụng ngôn ngữ.

Người dạy giữ vai trò quan trọng trong việc thiết lập một môi trường đánh giá thân thiện, không phán xét, trong đó việc mắc lỗi không bị phê phán mà được nhìn nhận như một phần tất yếu và cần thiết của tiến trình học tập.

Lớp học cần được tổ chức như một “không gian thử nghiệm ngôn ngữ”, nơi học viên được khuyến khích thể hiện ý tưởng, thảo luận, phản hồi hoặc trình bày - ngay cả khi ngôn ngữ còn hạn chế. Thay vì nhấn mạnh việc chấm điểm, người dạy nên chú trọng cung cấp phản hồi tích cực và gợi mở, hướng đến cải thiện năng lực dài hạn.

Một số công cụ sư phạm có thể sử dụng bao gồm: bảng đánh cá nhân, sổ tay tự đánh giá, nhật ký học tập sau kiểm tra,... nhằm giúp học viên phát hiện và chủ động điều chỉnh điểm yếu của mình.

Việc yêu cầu học viên trả lời các câu hỏi như: “Tôi học được gì sau bài kiểm tra này?”, “Tôi cần cải thiện điều gì?” không chỉ giúp nâng cao nhận thức ngôn ngữ mà còn góp phần phát triển kỹ năng tư duy phản biện và tinh thần tự học.

Ngoài ra, người dạy cần đặc biệt lưu ý đến yếu tố văn hóa của người học. Trong lớp học đa văn hóa, không nên áp đặt chuẩn diễn đạt ngôn ngữ theo một mô hình duy nhất. Sự khác biệt trong cách lập luận, trình bày, lựa chọn từ vựng,... cần được nhìn nhận như dấu hiệu của tính cá nhân hóa và sự đa dạng văn hóa, chứ không phải là lỗi. Chỉ khi môi trường đánh giá thật sự nhân văn và an toàn, người học mới có thể cởi mở, dám thử nghiệm và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt một cách tự nhiên và bền vững.

4.3. Người dạy là người truyền cảm hứng học tập thông qua đánh giá

Trong lớp học tiếng Việt như một ngoại ngữ, người dạy không chỉ là người thiết kế và vận hành hệ thống đánh giá mà còn là người truyền cảm hứng để học viên nhìn nhận đánh giá như một cơ hội phát triển chứ không phải một rào cản hay áp lực. Khi đánh giá được tổ chức đúng cách, nó không đơn thuần đo lường kiến thức mà còn kích hoạt động lực nội tại, nuôi dưỡng niềm tin vào sự tiến bộ cá nhân.

Đánh giá có thể trở thành phương tiện truyền cảm hứng khi người dạy khi: giao các nhiệm vụ mở rộng sau bài kiểm tra như viết lại đoạn văn, bổ sung ví dụ mới, hoặc cải tiến sản phẩm cũ theo phản hồi; phân tích bài mẫu điển hình (cả tốt lẫn chưa tốt) để cùng người học rút kinh nghiệm và phát triển tư duy ngôn ngữ sâu hơn; tổ chức phản biện nhóm, đánh giá đồng đẳng, thảo luận mở để giúp người học chủ động tham gia vào quá trình học lẫn nhau, xây dựng cộng đồng học tập tích cực... Chính trong những tương tác như vậy, người dạy truyền đi thông điệp rằng đánh giá là công cụ để người học tiến bộ.

Ngoài ra, việc thiết kế đánh giá mang tính lựa chọn cá nhân hóa, cho phép học viên thể hiện quan điểm, trải nghiệm và năng lực đa dạng cũng góp phần tạo cảm hứng và khẳng định giá trị riêng của từng người học. Khi học viên cảm thấy tiếng nói của mình được lắng nghe, ý tưởng của mình được coi trọng - đó là khi đánh giá trở thành chất xúc tác cho sự phát triển ngôn ngữ và nhân cách.

Cuối cùng, người dạy có thể kết hợp các phương pháp đánh giá một cách linh hoạt: đánh giá tổng kết, đánh giá quá trình, và quan trọng nhất là đánh giá vì học tập - tức là sử dụng kết quả đánh giá như một kênh thông tin để định hướng, điều chỉnh và tiếp thêm năng lượng học tập. Như vậy, đánh giá không còn là điểm kết thúc, mà trở thành một phần liên tục của hành trình học ngôn ngữ đầy hứng khởi.

4.4. Người dạy là người phản biện và kiến tạo chính sách đánh giá

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực, người dạy không chỉ là người thực hiện đánh giá, mà còn là một chủ thể phản biện và kiến tạo hệ thống đánh giá phù hợp với thực tiễn lớp học. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ, khi người học đến từ các nền văn hóa, trình độ và mục tiêu rất đa dạng, đòi hỏi một hệ thống đánh giá linh hoạt và có khả năng thích ứng cao.

Người dạy cần có tiếng nói phản hồi với các chính sách và mô hình đánh giá hiện hành, đóng góp vào việc điều chỉnh cấu trúc đề thi, phương pháp tổ chức thi và nội dung kiểm tra để phù hợp hơn với năng lực thực tế của người học. Chẳng hạn, đề thi nên phản ánh các tình huống giao tiếp thật, thay vì chỉ tập trung vào ngữ pháp hoặc từ vựng rời rạc.

Giáo viên có thể đề xuất xây dựng ngân hàng câu hỏi mở, phản ánh sự đa dạng của lớp học và định hướng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề. Việc thiết kế các rubrics đánh giá nói - viết, cũng như biên soạn tài liệu hướng dẫn đánh giá theo năng lực sẽ góp phần chuẩn hóa nhưng không cứng nhắc quy trình đánh giá hiện nay.

Tên hết, người dạy cần được coi là tác nhân thay đổi trong đổi mới giáo dục. Họ không chỉ là người thực thi các quy định hành chính, mà còn là những người mang trải nghiệm thực tiễn vào trong quá trình xây dựng chính sách. Chính họ là người kết nối giữa lý luận và lớp học, giữa văn bản quy phạm và nhu cầu thực tế của người học. Từ thực tiễn giảng dạy và đánh giá hàng ngày, người dạy có cơ hội nhận diện sớm những bất cập trong thiết kế đề thi, phân phối kỹ năng hoặc định dạng câu hỏi chưa phù hợp với năng lực của người học. Việc xây dựng cơ chế ghi nhận phản hồi chuyên môn từ giáo viên - dưới hình thức báo cáo chuyên môn, hội thảo hoặc đóng góp tài liệu mẫu - sẽ là chìa khóa để hệ thống đánh giá TVNN thực sự sát với thực tiễn và hướng tới sự phát triển bền vững.

5. Kết luận và kiến nghị

Trong tiến trình đổi mới kiểm tra - đánh giá tiếng Việt như một ngoại ngữ (TVNN), bài viết này nhấn mạnh hai nội dung chính: (1) kỹ thuật xây dựng câu hỏi đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, và (2) vai trò mở rộng, chủ động của người dạy trong hệ sinh thái đánh giá hiện đại. Các phân tích cho thấy, việc thiết kế câu hỏi - từ trắc nghiệm đến tự luận - nếu được thực hiện theo hướng tích hợp mục tiêu sư phạm, bối cảnh giao tiếp thực tế và mức độ nhận thức của người học, sẽ góp phần nâng cao chất lượng đánh giá và tính ứng dụng của kết quả kiểm tra.

Bên cạnh đó, người dạy không thể chỉ đóng vai trò “thực hiện đánh giá” một cách kỹ thuật mà cần được nhìn nhận như một người kiến tạo - có trách nhiệm tổ chức không gian đánh giá an toàn, nhân văn, khơi dậy động lực học tập và dẫn dắt người học qua quá trình tự điều chỉnh, phát triển ngôn ngữ. Từ nhà thiết kế học tập đến người truyền cảm hứng và phản biện chính sách, giáo viên chính là trung tâm của mọi cải tiến đánh giá bền vững.

Để thúc đẩy một hệ sinh thái đánh giá năng lực tiếng Việt hiệu quả, toàn diện và nhân văn, bài viết kiến nghị:

Một là, cần đẩy mạnh hoạt động tập huấn chuyên sâu cho giáo viên TVNN về lý luận và kỹ thuật thiết kế đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Hai là, xây dựng và chia sẻ rộng rãi các ngân hàng câu hỏi mẫu, bộ tiêu chí (rubrics), sổ tay hướng dẫn đánh giá thực tiễn, phục vụ cho cả đánh giá định kỳ và đánh giá quá trình.

Ba là, khuyến khích sự tham gia của người dạy trong các hoạt động phản biện, đề xuất cải tiến cấu trúc đề thi, phù hợp hơn với tính đa dạng của người học và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Bốn là, tạo điều kiện để đánh giá trở thành một phần của quá trình học tập, thay vì một bước tách rời và áp lực - bằng cách tổ chức phản hồi tích cực, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng thường xuyên.

Đổi mới kiểm tra - đánh giá không thể đến từ một chiều chính sách, mà phải được nuôi dưỡng từ chính lớp học, nơi người dạy và người học cùng đồng hành, sáng tạo và hoàn thiện. Chỉ khi đánh giá phản ánh đúng bản chất của học tập - tức là giúp người học phát triển - thì nó mới thực sự trở thành một phần quan trọng trong tiến trình giáo dục ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT: Ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT: Quy chế đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài*. Hà Nội.
3. Nguyễn Chí Hoà (2012), *Kiểm tra - đánh giá trong giảng dạy tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

4. Bachman, L. F., & Palmer, A. S. (1996), *Language testing in practice: Designing and developing useful language tests*. Oxford University Press.
5. Black, P., & Wiliam, D. (1998), *Inside the Black Box: Raising Standards Through Classroom Assessment*. London: King's College, School of Education.
6. Brown, H. D. (2004), *Language assessment: Principles and classroom practices*. Pearson Education.
7. Council of Europe (2001), *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment (CEFR)*. Cambridge University Press.
8. Looney, J., & Cumming, J. (2014), *Embedding Formative Assessment: Professional Paper*. OECD Centre for Educational Research and Innovation.
9. OECD. (2013), *Synergies for better learning: An international perspective on evaluation and assessment*. OECD Publishing.
10. Scarino, A., & Liddicoat, A. J. (2009), *Teaching and Learning Languages: A Guide*. Melbourne: Curriculum Corporation.

**Innovating question design techniques and the teacher's role
in the assessment of Vietnamese as a foreign language**

Abstract: In the ongoing reform of assessment in teaching Vietnamese as a foreign language (VFL), the design of test items and assessment tasks plays a pivotal role in developing learners' practical language competence. This article focuses on clarifying key principles and techniques for constructing multiple-choice and essay questions aligned with a competency-based approach. It analyzes common pitfalls in item design, provides illustrative examples, and offers practical strategies for improvement. Furthermore, the article emphasizes the expanded role of language teachers—not merely as assessors but as learning designers, facilitators of humane assessment environments, inspirational figures, and contributors to policy dialogue. Grounded in both theoretical frameworks and classroom practice, this study aims to foster a learner-centered assessment ecosystem that promotes holistic and sustainable language development in multicultural settings.

Key words: Test item design; Assessment; Teacher's role; Vietnamese as a Foreign Language (VFL); Pedagogical innovation.